

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST

Ngày: 08 - 11 - 2019

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thế Phong

2. Bà Khuất Thị Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-KDTM ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐ-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐ-ST ngày 20/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐ-ST ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Số 101 đường Trần Hưng Đạo, tổ 5 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trung K - Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Hà Giang (Giấy uỷ quyền số 204/NHNo-KTNB ngày 31/01/2019), có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T. Địa chỉ: KM 18 xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Duy L - Giám đốc công ty. Địa chỉ: KM 18 xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong các đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Hà Giang (Sau đây gọi tắt là A chi nhánh tỉnh Hà Giang) trình bày: Công ty TNHH T vay vốn tại A chi nhánh tỉnh Hà Giang theo Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD (8200LAV200203626)

- + Ngày ký kết: 29/07/2002
- + Số tiền cho vay: 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng)
- + Mức lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết: 1.1%/tháng, Lãi suất nợ quá hạn: 1.5%/tháng.
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày 29/07/2002
- + Ngày nhận tiền vay đầu tiên: 29/07/2002.
- + Hạn trả nợ cuối cùng: 29/07/2007.
- + Mục đích: Đầu tư xây dựng nhà xưởng và dây chuyền sản xuất giấy tại Km số 18 xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

*Các lần nhận nợ của Công ty TNHH T theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD (8200LAV200203626). **Lần thứ nhất:** Ngày nhận nợ: 29/07/2002, Số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng); **Lần thứ hai:** Ngày nhận nợ: 22/10/2002, số tiền nhận nợ: 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng). **Lần thứ ba:** Ngày nhận nợ: 28/11/2002, số tiền nhận nợ: 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng). **Lần thứ tư:** Ngày nhận nợ: 10/01/2003, Số tiền nhận nợ: 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng). Hạn trả nợ cuối cùng cho khoản vay theo Hợp đồng này là ngày 29/07/2007.*

2. Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD (8200LAV200400028)

- + Ngày ký kết: 30/08/2004.
- + Số tiền cho vay: 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng)
- + Mức lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết: 1%/tháng; Lãi suất nợ quá hạn: 1.5%/tháng.
- + Thời hạn cho vay: 12 tháng
- + Ngày nhận tiền vay đầu tiên: 30/08/2004.
- + Ngày trả nợ cuối cùng: 30/08/2005.
- + Mục đích: Mua nguyên vật liệu sản xuất, mua hóa chất, trả tiền nhân công.

Khi ký kết Hợp đồng trên các bên đã thỏa thuận tổng dư nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 02 ngày 26/02/2003 được thể hiện trên giấy nhận nợ ngày 04/08/2004 là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) cũng được chuyển qua theo dõi tại Hợp đồng này.

Các lần nhận nợ của Công ty TNHH T theo Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD (8200LAV200400028): Ngày nhận nợ: 30/08/2004, số tiền nhận nợ: 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng). Tổng số tiền vay theo Hợp đồng này là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

- Để đảm bảo cho khoản vay tại A chi nhánh tỉnh Hà Giang, ngày 13/01/2002 A chi nhánh tỉnh Hà Giang và Công ty TNHH T đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01 ngày 13/01/2002. Hai bên thỏa thuận và công chứng hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Hà Giang vào ngày 14/02/2003 để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại HĐTD số 01 ngày 29/07/2002 theo đó:

Công ty TNHH T đồng ý cầm cố, thế chấp toàn bộ tài sản sẽ hình thành từ khoản vay theo HĐTD số 01 ngày 29/07/2002:

+ Mức dư nợ: 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*).

+ Giá trị tài sản dự kiến sẽ hình thành từ vốn vay: 3.520.000.000đ (*Ba tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng*).

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp:

+ Quyền sử dụng đất đối với diện tích 28.000m² đất mặt bằng nhà máy đối với thửa đất số 84c, tờ bản đồ số 13, đất Chuyên dùng được UBND tỉnh Hà Giang cho thuê tại Quyết định số 1391; 1392; 1393/QĐ - UB ngày 23/05/2001. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 126 QSDĐ/3534/QĐ - UB do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp ngày 30/12/2002, thời hạn thuê đất 50 năm.

+ Tài sản trên đất gồm: Nhà xưởng, dây chuyền thiết bị máy móc, hệ thống bể ngâm, bể chức hoàn chỉnh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện từ trạm biến áp vào nhà máy hoàn chỉnh, mặt bằng tổng thể + bờ kè.

Bên cạnh đó, các bên có thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên về nội dung: *"Khi nhà máy giấy Long Giang sản xuất ra sản phẩm thì toàn bộ sản phẩm Công ty T bán ra phải chuyển tiền bán hàng vào tài khoản tiền gửi Công ty để ngân hàng theo dõi, có kế hoạch thu nợ (Điều 07)".*

Đối với khoản vay của Công ty TNHH T tại Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD (8200LAV20040028), ngày 30/8/2004 A cho vay không có tài sản bảo đảm.

Các khoản vay của Công ty phát sinh nợ quá hạn từ năm 2005. Thời điểm trả nợ cuối cùng của Công ty tại A chi nhánh tỉnh Hà Giang đối với Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD (8200LAV200203626) là ngày 04/10/2012; đối với HĐTD số 03/HĐTD (8200LAV20040028) là ngày 02/7/2012.

3. Việc vi phạm nghĩa vụ và quá trình thực hiện đơn đốc, thu hồi nợ:

Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Để thực hiện thu hồi nợ đối với Công ty TNHH T, A chi nhánh tỉnh Hà Giang đã thực hiện kết hợp nhiều biện pháp, cụ thể:

Chi nhánh đã nhiều lần gửi giấy báo nợ đến hạn, thông báo thu nợ quá hạn cho khách hàng để thông báo cũng như yêu cầu khách hàng thực hiện theo đúng cam kết trong các Hợp đồng đã ký với A chi nhánh tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên, khách hàng đều không thực hiện. Trong suốt giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2014, Chi nhánh đã nhiều lần làm việc với Công ty TNHH T về việc yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trong các lần làm việc khách hàng đều xác nhận nghĩa vụ trả nợ nhưng không thực hiện đầy đủ cam kết trả nợ với Ngân hàng gây khó khăn cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang trong việc thu hồi nợ.

Trong năm 2014, A chi nhánh tỉnh Hà Giang đã tổ chức thực hiện xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01 ngày 13/01/2002: Chi nhánh đã gửi Thông báo về việc xử lý tài sản đến khách hàng (*Văn bản số 921/NHNo - TD ngày 04/07/2014*), thông báo thu giữ tài sản (*Văn bản số 1424/NHNo - TD ngày 15/10/2014*) đồng thời Chi nhánh đã ban hành Văn bản gửi chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân xã Y, công

an xã Y huyện B, tỉnh Hà Giang đề nghị phối hợp thực hiện thu giữ tài sản đảm bảo (*Các Văn bản số 1423/NHNo-TD ngày 15/10/2014, Văn bản số 1422/NHNo-TD ngày 15/10/2014*).

Ngày 27/10/2014, tại trụ sở Công ty TNHH T, địa chỉ: Km18, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang, A chi nhánh tỉnh Hà Giang đã tổ chức thực hiện thu giữ tài sản đảm bảo theo kế hoạch, có sự tham gia của đại diện UBND xã Y, Công an xã Y và thôn Bản Loan, xã Y. Do Ông Ngô Duy L - Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T vắng mặt không lý do nên việc thu giữ tài sản đảm bảo đã không thể thực hiện được (*Biên bản làm việc ngày 27/10/2014*).

Đến thời điểm hiện tại việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn chưa được thực hiện. Kể từ thời điểm năm 2015 đến năm 2018, chi nhánh đã nhiều lần gửi Giấy mời mời khách hàng đến làm việc để giải quyết việc trả nợ quá hạn của Công ty cũng như thực hiện xử lý tài sản. Khách hàng đều không hợp tác, không đến làm việc. Chi nhánh đã gửi văn bản yêu cầu Công ty TNHH T thực hiện nghĩa vụ trả nợ (*Văn bản số 1262/NHNo - TD ngày 31/08/2016*) nhưng Công ty đều không thực hiện. A chi nhánh tỉnh Hà Giang đã tạo điều kiện, chia sẻ khó khăn, giúp đỡ doanh nghiệp và thực hiện kết hợp rất nhiều biện pháp nhằm mục đích thu hồi nợ, thu hồi vốn cho Nhà nước. Song với sự vi phạm cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T đã dẫn đến việc A không thể thu hồi đầy đủ khoản nợ của khách hàng theo cam kết trong các Hợp đồng tín dụng, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của A, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước.

Nay A chi nhánh tỉnh Hà Giang khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử vụ án 08/11/2019 của hai hợp đồng tín dụng là:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD (8200LAV200203626): Tổng dư nợ gốc sau 04 lần nhận nợ: 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*). Số nợ đã trả: Nợ gốc: 860.000.000đ (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*); Nợ lãi: 284.826.467đ (*Hai trăm tám tư triệu, tám trăm hai sáu nghìn, bốn trăm sáu bảy đồng*). Tổng số nợ gốc và lãi còn phải trả tính đến ngày 08/11/2019 là 3.982.148.592đ (*Ba tỷ, chín trăm tám hai triệu, một trăm bốn tám nghìn, năm trăm chín hai đồng*), trong đó nợ gốc: 1.140.000.000đ (*Một tỷ, một trăm bốn mươi triệu đồng*). Nợ lãi: 2.842.148.592đ (*Hai tỷ, tám trăm bốn hai triệu, một trăm bốn tám nghìn, năm trăm chín hai đồng*).

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD (8200LAV20040028). Tổng dư nợ gốc của Hợp đồng số 02 chuyển sang và dư nợ gốc của lần nhận nợ theo Hợp đồng số 03/HĐTD (8200LAV20040028) là 1.200.000.000đ (*Một tỷ, hai trăm triệu đồng*). Số nợ đã trả: Nợ gốc: 1.150.000.000đ (*Một tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng*); Nợ lãi: 0đ (*Không đồng*). Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/11/2019 còn phải trả là 1.032.225.120đ (*Một tỷ, không trăm ba hai triệu, hai trăm hai lăm nghìn, một trăm hai mươi đồng*). Trong đó nợ gốc: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Nợ lãi: 982.225.120đ (*Chín trăm tám hai triệu, hai trăm hai nghìn, một trăm hai mươi đồng*).

Tổng dư nợ của cả hai hợp đồng tín dụng đến ngày 08/11/2019 là 5.014.373.712đ (*Năm tỷ, không trăm mười bốn triệu, ba trăm bảy ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 1.190.000.000đ (*Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng*).

- Nợ lãi: 3.824.373.712đ (*Ba tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*).

* Bị đơn Công ty TNHH T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố H đã ra Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T là Ông Ngô Duy L đến Tòa án để viết bản tự khai và lấy lời khai theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, nhưng tổ trưởng tổ 3 phường N, thành phố H đã cung cấp: Tại tổ 3 phường N, thành phố H không có tên Công ty TNHH T đăng ký hoạt động kinh doanh và không có ai tên là Ngô Duy L đăng ký thường trú hay tạm trú. Ngày 07/6/2019 A chi nhánh tỉnh Hà Giang cung cấp chứng cứ về việc Công ty TNHH T đã ngừng hoạt động từ năm 2013, Giám đốc Công ty là Ông Ngô Duy L đã đi khỏi địa bàn đăng ký hoạt động của Công ty mà không thông báo với Ngân hàng đồng thời cung cấp cho Tòa án địa chỉ trụ sở cuối cùng của Công ty TNHH T là Km18 xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tiếp tục giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH T nhưng không tổng đạt được, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai; Tòa án không ghi được lời khai, không tổ chức được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không hoà giải vụ án được.

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH T, do Ông Ngô Duy L làm giám đốc phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử vụ án 08/11/2019 của cả hai hợp đồng tín dụng là: Tổng dư nợ: 5.014.373.712đ (*Năm tỷ, không trăm mười bốn triệu, ba trăm bảy ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 1.190.000.000đ (*Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng*).

- Nợ lãi: 3.824.373.712đ (*Ba tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*).

Và các khoản lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi Công ty TNHH T trả hết toàn bộ khoản nợ. Nếu Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi phát sinh cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang thì A chi nhánh tỉnh Hà Giang có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01, ngày 13/01/2002 (*có hiệu lực kể từ ngày 14/01/2003*) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật; Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả hết các khoản nợ cho A, thì A chi

nhánh tỉnh Hà Giang có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH T và Công ty TNHH T vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán toàn bộ khoản nợ cho đến khi nào thanh toán xong.

* Căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn về việc đề nghị Toà án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngày 02/10/2019 Toà án nhân dân thành phố H đã quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ cho TAND huyện B, tỉnh Hà Giang thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất của Công ty TNHH T theo hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01, ngày 13/01/2002 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 15/10/2019 TAND huyện B đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định hiện trạng tài sản của Công ty và đo đạc diện tích đất được UBND tỉnh Hà Giang cho Công ty TNHH T thuê, thời hạn thuê 50 năm tại Km 18 xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

* Tại phiên tòa đại diện bị đơn Công ty TNHH T do Ông Ngô Duy L làm giám đốc vắng mặt nên không có lời trình bày và ý kiến đề nghị gì.

* Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 49, các Điều 51, 52, 54, 56 Luật tổ chức tín dụng năm 1997; Các Điều 103, 131, 313, 346, 347, 348, của BLDS năm 1995; Điều 6, Điều 16, 17, 18 Nghị định số 178/1999/NĐ ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; Điều 144, 147, 157, 158 Bộ luật TTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH T do Ông Ngô Duy L làm giám đốc phải trả cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang số tiền tính đến ngày 08/11/2019 là 5.014.373.712đ (*Năm tỷ, không trăm mười bốn triệu, ba trăm bảy ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 1.190.000.000đ (*Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng*).

- Nợ lãi: 3.824.373.712đ (*Ba tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 09/11/2019 đến khi Công ty TNHH T trả hết nợ. Trường hợp Công ty TNHH T,

do Ông Ngô Duy L làm giám đốc không thanh toán được nợ cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang, thì A chi nhánh tỉnh Hà Giang có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01, ngày 13/01/2002 (có hiệu lực ngày 14/01/2003) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty. Nếu tài sản thế chấp không đủ thanh toán các khoản nợ thì Công ty TNHH T do Ông Ngô Duy L làm giám đốc phải tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong nợ cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Do A chi nhánh tỉnh Hà Giang đã nộp tiền tạm ứng chi phí đó nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền này.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí KDTM sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: A chi nhánh tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 5 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH T, có địa chỉ trụ sở cuối cùng tại: Km18 xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn Công ty TNHH T do Ông Ngô Duy L làm giám đốc không đến Tòa án viết bản tự khai và vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó, ngày 04/3/2019 Tòa án đã tiến hành xác minh tổ trưởng tổ 3 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, tổ trưởng tổ 3 cung cấp: Tại địa bàn tổ 3 phường N không có ai tên là Ngô Duy L đăng ký tạm trú, thường trú, cũng không có tên Công ty TNHH T đăng ký hoạt động kinh doanh tại tổ. Tòa án đã yêu cầu A chi nhánh tỉnh Hà Giang cung cấp địa chỉ cụ thể của bị đơn, ngày 09/4/2019 Ngân hàng đã có văn bản cung cấp địa chỉ trụ sở cuối cùng của bị đơn, nơi có tài sản thế chấp của Công ty TNHH T là Km số 18, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự cũng như các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn, nhưng Công ty TNHH T do Ông Ngô Duy L làm giám đốc vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Quá trình giải quyết A chi nhánh tỉnh Hà Giang đã tự mình thu thập tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án, tiến hành xác minh tại chính quyền địa

phương là Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B nơi bị đơn có trụ sở (BL 248) và xác minh tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Giang thì Công ty TNHH T hiện nay vẫn đăng ký kinh doanh và có trụ sở tại Km18 xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang, Công ty TNHH T vẫn đang trong tình trạng hoạt động (BL 244), nhưng thực tế Công ty đã ngừng hoạt động kinh doanh từ năm 2013. Ông Ngô Duy L - Giám đốc Công ty không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, cố tình không thông báo địa chỉ mới cho ngân hàng biết nhằm mục đích che dấu địa chỉ để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung, vắng mặt đại diện Công ty TNHH T là Ông Ngô Duy L là có căn cứ.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: A chi nhánh tỉnh Hà Giang ký kết hợp đồng tín dụng cho Công ty TNHH T vay vốn để sản xuất, kinh doanh theo các Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD (8200LAV200203626) ngày 29/7/2002 và Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD (8200LAV200400028) ngày 30/8/2004 nhưng Công ty TNHH T không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, xác định tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng Tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] A chi nhánh tỉnh Hà Giang ký Hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH T đúng với chức năng hoạt động tín dụng của ngân hàng được quy định tại Điều 51 Luật tổ chức tín dụng năm 1997 và Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/NHNN của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam. Các bên ký kết hợp đồng theo các Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD (8200LAV200203626) ngày 29/7/2002 và Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD (8200LAV200400028) ngày 30/8/2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận, không có khiếu nại về nội dung, điều khoản của các hợp đồng. Vì vậy, các Hợp đồng tín dụng nói trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thi hành.

[2.2] Xét yêu cầu của A chi nhánh tỉnh Hà Giang yêu cầu Công ty TNHH T trả khoản tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết: Ngân hàng đã thực hiện Hợp đồng, giải ngân cho Công ty TNHH T theo hai Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD (8200LAV200203626) ngày 29/7/2002 tổng số tiền gốc là 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*) và Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD (8200LAV200400028) ngày 30/8/2004 tổng số tiền gốc là 1.200.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*). Trong quá trình vay Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 08/11/2019 Công ty TNHH T còn nợ A chi nhánh tỉnh Hà Giang đối với Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD (8200LAV200203626) ngày 29/7/2002. Tổng dư nợ: 3.982.148.592đ (*Ba tỷ, chín trăm tám hai triệu, một trăm bốn tám nghìn, năm trăm chín hai đồng*), trong đó: Nợ gốc: 1.140.000.000đ (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng*); Nợ lãi: 2.842.148.592đ (*Hai tỷ, tám trăm bốn hai triệu, một trăm bốn tám nghìn, năm trăm chín hai đồng*). Đối với Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD

(8200LAV200400028) ngày 30/8/2004. Tổng dư nợ: 1.032.225.120đ (*Một tỷ, không trăm ba hai triệu, hai trăm hai lăm nghìn, một trăm hai mươi đồng*). Nợ gốc: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Nợ lãi: 982.225.120đ (*Chín trăm tám hai triệu, hai trăm hai nghìn, một trăm hai mươi đồng*). Nay A chi nhánh tỉnh Hà Giang yêu cầu Công ty TNHH T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là đúng quy định tại các Điều 103, 131, 313, 346, 347, 348 của Bộ luật Dân sự 1995; Điều 49, 51, 52, 54, 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997.

[2.3] Đối với Hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo khoản tiền vay đối với Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD (8200LAV200203626) ngày 29/7/2002, giữa A chi nhánh tỉnh Hà Giang và Công ty TNHH T do Ông Ngô Duy L làm giám đốc đã ký kết Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01, ngày 13/01/2002 về việc cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và ký phụ lục hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 13/01/2003 (*Có hiệu lực kể từ ngày công chứng, chứng thực hợp đồng là ngày 14/01/2003*) với nội dung thỏa thuận: Công ty TNHH T do Ông Ngô Duy L làm giám đốc cam kết cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay; "Bên B bán tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng khi khoản vay đến hạn" (Điều 5) và "Khi Nhà máy giấy Long Giang sản xuất ra sản phẩm thì toàn bộ sản phẩm Công ty TNHH T bán ra phải chuyển tiền bán hàng vào tài khoản tiền gửi Công ty để Ngân hàng theo dõi (có kế hoạch thu nợ)" (Điều 7). Tại bản phụ lục hợp đồng có ghi tại Điều 1: Danh mục tài sản hình thành từ vốn vay làm đảm bảo nợ gồm: Đất mặt bằng nhà máy 28.000m² đất thuê có thời hạn 50 năm (GCNQSD đất số 219427 do UBND tỉnh Hà Giang cấp ngày 30/12/2002 cho Công ty TNHH T) và nhà xưởng + toàn bộ thiết bị máy móc, các công trình phụ trợ nhà máy giấy (BL 80).

Xác định đây là hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay gắn liền với đất thuê. Việc cầm cố, thế chấp tài sản được thực hiện theo thỏa thuận với sự tự nguyện của bên cầm cố, thế chấp và được Công chứng nhà nước xác nhận ngày 14/01/2003 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hà Giang. Như vậy, trình tự thủ tục của Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản nêu trên, công chứng viên đã thực hiện việc công chứng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng quy định tại Điều 6, các Điều 16, 17, 18 Nghị định số 178/1999/NĐ ngày 29/12/1999 của Chính Phủ. Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản bảo đảm đúng quy định pháp luật buộc các bên ký kết có nghĩa vụ thi hành. Trong trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì A chi nhánh tỉnh Hà Giang có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định.

Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/10/2019 xác định hiện trạng tài sản cầm cố, thế chấp của Công ty TNHH T tại Km 18 xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang như sau:

[2.3.1]- Về Tài sản trên đất gồm có:

- Dây chuyền, thiết bị máy móc gồm: Dàn máy xấy giấy, mô tơ điện, hai hộp điện, hai bảng điện, động cơ ba pha, máy nghiền giấy...toàn bộ số dây chuyền, máy móc trên đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng.

Nhà xưởng: Chiều rộng 18m, chiều dài 55m nền đổ bê tông, hệ thống khung thép tròn (đã gỉ sét một phần), phần mái lợp phibro xi măng không còn nguyên hiện trạng. Toàn bộ nhà xưởng đã xuống cấp, hư hỏng không còn giá trị sử dụng; Hệ thống bể ngầm, bể chứa đã xuống cấp; Hệ thống cấp, thoát nước đã xuống cấp, hiện không sử dụng.

Bờ kè: Ốp đá học trên mặt đất chiều dài 153,87m, chiều rộng 7m với diện tích 1.077,09m² theo thửa đất xuống phía Nam giáp suối.

Bốt gác công giáp đường tránh quốc lộ 34 chiều dài 3,4m, chiều rộng 2,7m, với diện tích 9,18m² đổ mái bằng; Tường rào giáp đường tránh quốc lộ 34 chiều dài 50m, cao 2m xây bằng gạch, quét vôi.

Nhà văn phòng gồm 02 nhà: 01 nhà xây cấp IV, 3 gian lợp mái tôn, nền lát gạch hoa, quét vôi, chiều dài 15m, chiều rộng 9,8m; 01 nhà xây cấp IV, 4 gian mái lợp tôn, nền lát xi măng, quét vôi, chiều dài 18m, chiều rộng 8,5m. 02 nhà văn phòng trên đã xuống cấp; 01 bể nước dùng sinh hoạt 4,2m³ đang sử dụng.

- 01 Trạm biến áp Long Giang công suất 560KVA/35-0,4KV; Đường dây 35KV, loại dây AC50 (dây nhôm lõi thép) từ điểm đầu nối VT87 dài 70m (hiện đang vận hành).

[2.3.2]- Về diện tích đất: Kết quả trích đo thửa đất xác định diện tích đất theo GCNQSD đất số T219427 ngày 30/12/2002 được UBND tỉnh Hà Giang cấp cho Công ty TNHH T, thửa đất số 84c, tờ bản đồ số 13 theo các quyết định cho thuê đất số: 1391; 1392; 1393/QĐ-UB ngày 23/5/2001, thời hạn thuê 50 năm. Kết quả đo đạc xác định hiện trạng thửa đất như sau: Số thứ tự thửa đất: 33, tờ bản đồ số 20. Địa chỉ thửa đất: thôn Bản Loan, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; Diện tích 20412.1m², tên người sử dụng đất: Công ty TNHH T. Địa chỉ thường trú: Km 18 xã Y, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (*có Trích lục bản đồ địa chính kèm theo*).

- Diện tích đất nói trên hiện nay Công ty TNHH T đang cho Công ty TNHH một thành viên An Dược thuê, thời hạn thuê 03 năm đến nay đã sắp hết thời hạn thuê, công ty TNHH một thành viên An Dược đã thanh toán tiền thuê đất cho Công ty TNHH T đủ 03 năm, đại diện công ty An Dược không yêu cầu tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến đề nghị gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do đó HĐXX không xem xét.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của A chi nhánh tỉnh Hà Giang là có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A chi nhánh tỉnh Hà Giang, buộc: Công ty TNHH T phải có nghĩa vụ trả tiền cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang số tiền tính đến ngày 08/11/2019 tổng cộng là: 5.014.373.712đ (*Năm tỷ, không trăm mười bốn triệu, ba trăm bảy ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 1.190.000.000đ (*Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng*).

- Nợ lãi: 3.824.373.712đ (*Ba tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*) và lãi phát sinh kể từ ngày 09/11/2019 đến khi Công ty TNHH T trả hết nợ. Trong trường hợp Công ty TNHH T không

thanh toán được nợ cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang thì A chi nhánh tỉnh Hà Giang có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T, do Ông Ngô Duy L làm giám đốc. Tài sản gồm có:

+ Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mặt bằng nhà máy đã được nhà nước cho thuê, GCNQSD đất số T219427 ngày 30/12/2002 của UBND tỉnh Hà Giang cấp cho Công ty TNHH T, thửa đất số 84c, tờ bản đồ số 13 theo các quyết định cho thuê đất số: 1391; 1392; 1393/QĐ-UB ngày 23/5/2001, thời hạn thuê 50 năm. Kết quả đo đạc xác định hiện trạng thửa đất như sau: Số thứ tự thửa đất: 33, tờ bản đồ số 20. Địa chỉ thửa đất: thôn Bản Loan, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; Diện tích 20412.1m² theo quy định của Luật đất đai.

+ Toàn bộ tài sản trên đất là: Nhà xưởng cùng toàn bộ các thiết bị máy móc, dây truyền sản xuất, các công trình phụ trợ, mặt bằng tổng thể, bờ kè; Bốt gác công; Nhà văn phòng, tường rào, bể nước và Hệ thống điện từ trạm biến áp vào nhà máy theo Bảng kê khai tài sản hình thành từ vốn vay kèm theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01, ngày 13/01/2002.

Công ty TNHH T, do Ông Ngô Duy L làm giám đốc phải tiếp tục trả số tiền gốc và các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Bộ luật TTDS Công ty TNHH T, do Ông Ngô Duy L làm giám đốc phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.461.278 đ; A chi nhánh tỉnh Hà Giang đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do đó buộc Công ty TNHH T do Ông Ngô Duy L làm giám đốc phải trả cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang số tiền này.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Công ty TNHH T phải chịu án phí KDTM sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 49, các Điều 51, 52, 54, 56 Luật tổ chức tín dụng năm 1997; Các Điều 103, 131, 313, 346, 347, 348, của BLDS năm 1995; Điều 6, Điều 16, 17, 18 Nghị định số 178/1999/NĐ ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147, 157, 158, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý e mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016*).

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của A chi nhánh tỉnh Hà Giang về việc yêu cầu Công ty TNHH T, do Ông Ngô Duy L làm giám đốc chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD

(8200LAV200203626) ngày 29/7/2002 và Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD (8200LAV200400028) ngày 30/8/2004.

Xử: Buộc Công ty TNHH T, do Ông Ngô Duy L làm giám đốc chịu trách nhiệm trả cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang, tổng số tiền tính đến ngày 08/11/2019 là: 5.014.373.712đ (*Năm tỷ, không trăm mười bốn triệu, ba trăm bảy ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 1.190.000.000đ (*Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng*).

- Nợ lãi: 3.824.373.712đ (*Ba tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*) và lãi phát sinh kể từ ngày 09/11/2019 đến khi Công ty TNHH T trả hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Công ty TNHH T, do Ông Ngô Duy L làm giám đốc không thanh toán được nợ cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang, thì A chi nhánh tỉnh Hà Giang có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01, ngày 13/01/2002 (*có hiệu lực ngày 14/01/2003*) gắn liền với đất thuê để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T.

Tài sản bảo đảm để thi hành nghĩa vụ thi hành án gồm: Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01, ngày 13/01/2002 (*có hiệu lực ngày 14/01/2003*): Đất mặt bằng nhà máy theo GCNQSD đất số T219427 ngày 30/12/2002 được UBND tỉnh Hà Giang cấp cho Công ty TNHH T, thửa đất số 84c, tờ bản đồ số 13 theo các quyết định cho thuê đất số: 1391; 1392; 1393/QĐ-UB ngày 23/5/2001, thời hạn thuê 50 năm. Kết quả đo đạc xác định hiện trạng thửa đất hiện nay như sau: Số thứ tự thửa đất: 33, tờ bản đồ số 20. Địa chỉ thửa đất: thôn Bản Loan, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; Diện tích 20412.1m², tên người sử dụng đất: Công ty TNHH T. Địa chỉ thường trú: Km 18 xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (*có Trích lục bản đồ địa chính kèm theo*); Trạm biến áp Long Giang 35KVA và nhà xưởng + toàn bộ thiết bị máy móc, các công trình phụ trợ nhà máy giấy hiện còn (*Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/10/2019*).

Sau khi A chi nhánh tỉnh Hà Giang yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, thế chấp nhưng chưa thu hồi đủ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh, thì Công ty TNHH T, do ông Ngô Duy L làm giám đốc còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ còn thiếu cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH T, do Ông Ngô Duy L làm giám đốc phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; A chi nhánh tỉnh Hà Giang đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do đó buộc Công ty TNHH T do Ông Ngô Duy L làm giám đốc phải trả cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang số tiền đã nộp là 6.461.278đ (*Sáu triệu bốn trăm sáu một nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng*).

4. Án phí kinh doanh thương mại: Công ty TNHH T, do ông Ngô Duy L làm giám đốc phải chịu số tiền án phí KDTM có giá ngạch là 113.014.374đ (Một trăm mười ba triệu không trăm mười bốn nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng). Hoàn trả lại cho A chi nhánh tỉnh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí là 56.500.000đ (Năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 01095 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H (do bà Trần Thuý Q nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Công ty TNHH T, do Ông Ngô Duy L là đại diện theo pháp luật (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn **15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND TP. H;
- A chi nhánh tỉnh HG;
- Công ty TNHH T (Niêm yết)
- Chi cục THADS TP. H;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Mỹ Lệ